

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

HẠT NÊM XƯƠNG HÂM VEDAN

TCCS 37/VDN/2025

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 37/VDN/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** Hạt nêm xương hầm Vedan

2. **Thành phần:** Muối I-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

a) **Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):** 145 g, 200 g, 400 g, 900 g, 2 kg, 3 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được bao gói trong bao nhôm tráng PE.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Hạt nêm xương hầm Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- TCVN 7396:2004 về Bột canh gia vị -Yêu cầu kỹ thuật (mục 4.5).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.12, 2.24, 3.30, 4.9).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an



toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

| | | |
|--|---|--|
| Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam | Nhóm sản phẩm: GIA VỊ | Số: TCCS 37/VDN/2025 |
| | Sản phẩm: HẠT NÊM XƯƠNG HẦM VEDAN | Có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2025 |

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

| STT | Tên chỉ tiêu | Yêu cầu |
|-----|--------------|-----------------------------------|
| 1 | Trạng thái | Dạng hạt, khô rời, không đóng cục |
| 2 | Màu sắc | Màu vàng nhạt đến vàng cam |
| 3 | Mùi, vị | Đặc trưng của sản phẩm |

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức công bố |
|-----|-----------------------------------|-----------|--------------|
| 1 | Độ ẩm | % | $\leq 3,0$ |
| 2 | Năng lượng | kcal/100g | ≥ 146 |
| 3 | pH (dung dịch 10%) | - | 5,0 – 7,0 |
| 4 | Hàm lượng Carbohydrat | g/100g | $\geq 29,5$ |
| 5 | Hàm lượng chất đạm | g/100g | $\geq 5,4$ |
| 6 | Hàm lượng chất béo (có thủy phân) | g/100g | $\leq 0,3$ |
| 7 | Hàm lượng Bột ngọt | % | $\geq 10,0$ |
| 8 | Natri | mg/100g | ≤ 24960 |
| 9 | Hàm lượng muối (NaCl) | % | $\leq 54,0$ |
| 10 | Hàm lượng đường tổng số | % | $\leq 37,7$ |
| 11 | Hàm lượng tro không tan trong HCl | % | $\leq 0,1$ |
| 12 | Vật lạ | - | Không có |

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp TCVN 7396:2004 về Bột canh gia vị -Yêu cầu kỹ thuật (mục 4.5)

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|-----|-----------------------------------|------------------------|-----------------|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | 10 ⁴ |
| 2 | <i>Escherichia coli</i> | MPN/g hoặc CFU/g | 3 |
| 3 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | 10 ² |
| 4 | <i>Salmonella spp.</i> | /25 g | Không có |
| 5 | Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc | CFU/g | 10 ² |

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.12, 2.24, 3.30, 4.9).

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|-----|--------------------------|--------|------------|
| 1 | Hàm lượng Asen (As) | mg/kg | 5,0 |
| 2 | Hàm lượng Cadimi (Cd) | mg/kg | 1,0 |
| 3 | Hàm lượng Chì (Pb) | mg/kg | 2,0 |
| 4 | Hàm lượng Thủy ngân (Hg) | mg/kg | 0,05 |

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|-----|--|--------|------------|
| 1 | Hàm lượng Aflatoxin B ₁ | µg/kg | 5 |
| 2 | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) | µg/kg | 10 |
| 3 | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/kg | 30 |

2. Thời hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì sản phẩm.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:**

- Món xào: 2 muỗng cà phê cho 500 g món xào.
- Món chiên: 2 muỗng cà phê cho 500 g món chiên.
- Canh, súp: 1 muỗng cà phê cho 1 lít nước.
- Món hấp: 3 muỗng cà phê cho 1kg thịt/cá.

1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị. Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp.

- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh

60023
CÔNG TY
PHÂN
CỦ HẠN
EDAN
ET NAM
NH - T

ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

4. Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

5. Nội dung ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp với:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ni Chih Hao



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: HẠT NÊM XƯƠNG HẦM VEDAN

| Các chỉ tiêu giám sát | Định kỳ giám sát | Đơn vị thực hiện |
|---|------------------|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Cảm quan (Trạng thái, màu sắc, mùi vị)- Độ ẩm- Năng lượng- pH (dung dịch 10%)- Hàm lượng Carbohydrat- Hàm lượng chất đạm- Hàm lượng chất béo (có thủy phân)- Hàm lượng Bột ngọt- Natri- Hàm lượng muối (NaCl)- Hàm lượng đường tổng số- Hàm lượng tro không tan trong HCl- Vật lạ- Tổng số vi sinh vật hiếu khí- <i>Escherichia coli</i>- <i>Staphylococcus aureus</i>- <i>Salmonella spp.</i> / 25 g- Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc- Hàm lượng asen (As)- Hàm lượng cadimi (Cd)- Hàm lượng chì (Pb)- Hàm lượng thủy ngân (Hg)- Hàm lượng Aflatoxin B₁- Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂)- Hàm lượng Orchatoxin A | 1 lần / năm | Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 |

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2025



280mm

10

120mm

10

10

120mm

10

180mm
160mm
10**VEDAN**

Nêm đậm đà, thêm gần bó

Hương dẫn sử dụng:



Ghi chú: Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp. *1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị.

Hạt nêm xương hầm Vedan, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.

Thành phần:

Muối I-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

Hương dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.
TCCS 37/VDN/2025

Khối lượng tịnh: 145 g

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

website: www.vedan.com.vn

Free Hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED

P.O. Box 31119, Grand Pavillon, Hibiscus Way, 802 West Bay Road, Grand Cayman, KY1-1205, Cayman Islands.

**Thành phần dinh dưỡng,
giá trị dinh dưỡng**

(có trong 100 g hạt nêm xương hầm)

| | | |
|---------------|---|----------|
| Năng lượng | ≥ | 146 Kcal |
| Chất đạm | ≥ | 5,4 g |
| Natri | ≤ | 24960 mg |
| Carbohydrat | ≥ | 29,5 g |
| Đường tổng số | ≤ | 37,7 g |

NSX:

HSD: 18 tháng kể từ NSX.

**VEDAN****MỠI****HẠT NÊM XƯƠNG HẦM**

Khối lượng tịnh:
145 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



190mm

176mm

10

10

VEDAN

Nêm đậm đà, thêm gần bó

Hướng dẫn sử dụng:



Ghi chú: Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp. *1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị.
Hạt nêm xương hầm Vedan, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.

Thành phần:

Muối I-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp.
Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.
TCCS 37/VDN/2025

Khối lượng tịnh: 200 g

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
website: www.vedan.com.vn
Free Hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
P.O. Box 31119, Grand Pavilion, Hibiscus Way, 802 West Bay Road,
Grand Cayman, KY1-1205, Cayman Islands.

| Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g hạt nêm xương hầm) | |
|--|------------|
| Năng lượng | ≥ 146 Kcal |
| Chất đạm | ≥ 5,4 g |
| Natri | ≤ 24960 mg |
| Carbohydrat | ≥ 29,5 g |
| Đường tổng số | ≤ 37,7 g |

NSX:

HSD: 18 tháng kể từ NSX.



8935102475123

VEDAN

MỠI

HẠT NÊM XƯƠNG HẦM

Khối lượng tịnh:
200 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



NI CHIH HAO

290mm

10

125mm

10

10

125mm

10

VEDAN

Nêm đậm đà, thêm gần bó

Hướng dẫn sử dụng:



Ghi chú: Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp. *1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị.

Hạt nêm xương hầm Vedan, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.

Thành phần:

Muối I-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.
TCCS 37/VDN/2025

Khối lượng tịnh: 400 g

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
website: www.vedan.com.vn
Free Hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
P.O. Box 31119, Grand Pavilion, Hibiscus Way, 802 West Bay Road,
Grand Cayman, KY1-1205, Cayman Islands.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g hạt nêm xương hầm)

| | |
|---------------|------------|
| Năng lượng | ≥ 146 Kcal |
| Chất đạm | ≥ 5,4 g |
| Natri | ≤ 24960 mg |
| Carbohydrat | ≥ 29,5 g |
| Đường tổng số | ≤ 37,7 g |

NSX:

HSD: 18 tháng kể từ NSX.



SCAN
NGAY!



VEDAN

MỠI

HẠT NÊM XƯƠNG HẦM

Khối lượng tịnh:
400 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



NI CHI HAO

VEDAN

Nêm đậm đà, thêm gần bó

Hướng dẫn sử dụng:



Ghi chú: Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp. *1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị.
Hạt nêm xương hầm Vedan, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.

Thành phần:

Muối I-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp.
Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.
TCCS 37/VDN/2025

Khối lượng tịnh: 900 g

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

website: www.vedan.com.vn

Free Hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED

P.O. Box 31119, Grand Pavilion, Hibiscus Way, 802 West Bay Road,
Grand Cayman, KY1-1205, Cayman Islands.

| Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g hạt nêm xương hầm) | |
|--|------------|
| Năng lượng | ≥ 146 Kcal |
| Chất đạm | ≥ 5,4 g |
| Natri | ≤ 24960 mg |
| Carbohydrat | ≥ 29,5 g |
| Đường tổng số | ≤ 37,7 g |

NSX:

HSD: 18 tháng kể từ NSX.



8 935 102 1475 208



NI CHIH HAO

VEDAN

MỠI

HẠT NÊM XƯƠNG HẦM

Khối lượng tịnh:
900 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

30mm
22mm
10mm
Zipper
340mm

310mm

10mm

50mm

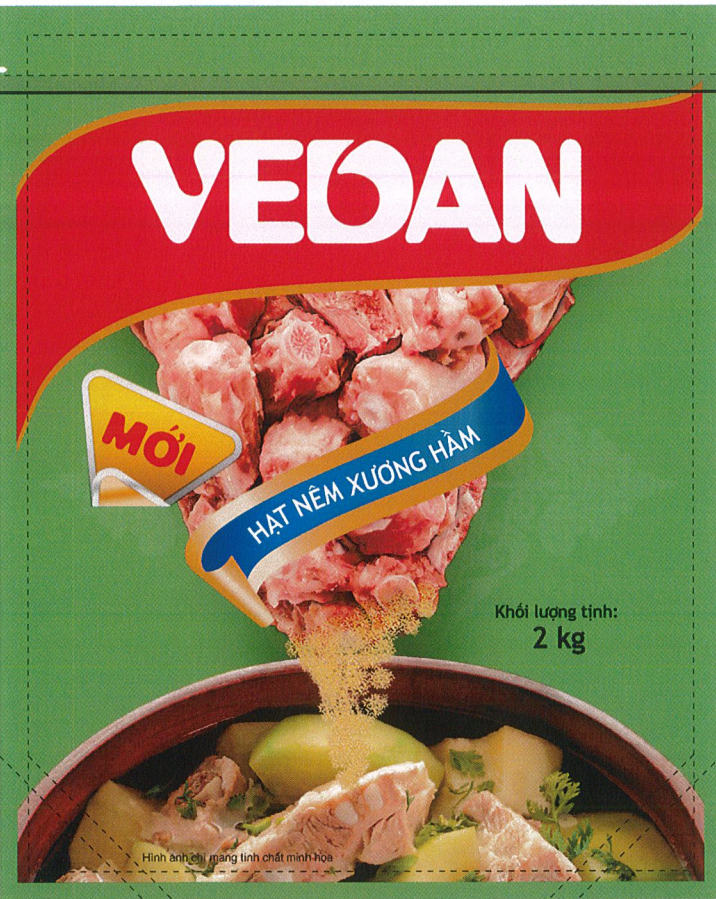
720mm

50mm

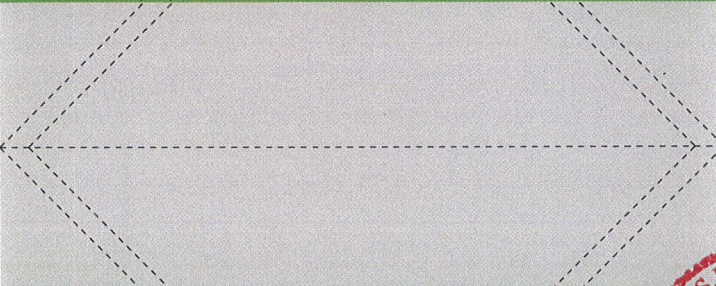
10mm

310mm

10mm
22mm
10mm



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Số 1, Ấp 1, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn
Hotline: 1800 599 902
Độc sự cho phép của:
MEDIAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
PO. Box 3719, Grand Pavilion, Hibiscus Way, 802 West Bay Road,
Grand Cayman, KY-1-205, Cayman Islands.

HSD: 18 tháng kể từ NSX.
NSX:

Khối lượng tịnh: 2 kg

| | |
|---------------|------------|
| Năng lượng | ≥ 146 Kcal |
| Chất đạm | ≥ 5,4 g |
| Carbohydrat | ≥ 29,5 g |
| Dường tổng số | ≤ 37,7 g |

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g hạt nêm xương hầm)

Thành phần:
Muối i-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và tổng hợp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp.
Sau khi mở bao bì, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.

Thùng kín cảnh báo:
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.
TCCS 37/VDN/2025

Ghi chú: Tùy theo khẩu vị có thể tăng giảm cho phù hợp. * 1 muỗng cà phê ~ 5 gam gia vị.
Hạt nêm xương hầm Vedan, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.



Nêm đậm đà, thêm giòn bô
VEDAN



10mm
250mm
230mm

32mm 27mm 10mm 360mm 10mm 50mm 50mm 10mm 200mm 200mm 10mm



Khối lượng tịnh: 3 kg

MỚI

HẠT NEM XƯƠNG HẸM

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



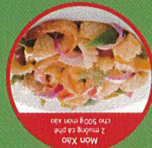
HSD: 18 tháng kể từ NSX.
NSX:

Khối lượng tịnh: 3 kg

| | |
|---------------|------------|
| Dường tổng số | ≤ 37,7 g |
| Carbohydrat | ≥ 29,5 g |
| Natri | ≤ 24960 mg |
| Chất đạm | ≥ 5,4 g |
| Năng lượng | ≥ 146 Kcal |

Thành phần dinh dưỡng
giải thích dinh dưỡng
(có trong 100g hạt nem xương hẻm)

Hạt nem xương hẻm Vedan, loại hạt nem lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.



VEDAN
Nem đậm đà, thêm giòn bô

Hương dẫn sử dụng:

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn
Free Hotline: 1800 599 902
Được sự cho phép của:
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
P.O. Box 31119, Grand Pavilion, Hibiscus Way, 802 West Bay
Road, Grand Cayman, KY1-1205, Cayman Islands.

Thành phần:
Muối i-ốt, đường, chất điều vị (INS 621), bột xương heo chiết xuất (3,0%), tinh bột sắn, chất điều vị (INS 635), bột tỏi, bột hành, bột hương liệu thịt tự nhiên và lòng hóp, bột tiêu, chất làm rắn chắc (INS 460), phẩm màu tổng hợp (Beta-caroten).
Hương dẫn bảo quản:
Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp.
Sau khi mở bao, vui lòng đóng kín để tránh hút ẩm.
Thông tin cảnh báo:
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.



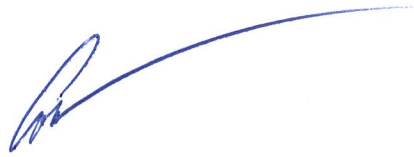
KT3-04947BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/08/2025
Page 01/04

1. Tên mẫu : HẠT NÊM XƯƠNG HÂM VEDAN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu đựng trong bao bì kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 25/07/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 25/07/2025 – 08/08/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
Customer Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-04/04
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-04947BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/08/2025
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

| Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i> | Phương pháp thử <i>Test method</i> | Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i> | Phạm vi đo <i>Range of measurement</i> (≥) | Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i> |
|--|---|---|--|--|
| 7.1. Cảm quan / <i>Sensory test</i> ^(*) <ul style="list-style-type: none"> Trạng thái / <i>State</i> Màu sắc / <i>Color</i> Mùi vị / <i>Odor & taste</i> | QTTN/KT3 234:2019 | - | - | Dạng hạt <i>Granule</i> Màu vàng cam <i>Orangish yellow</i> Đặc trưng của sản phẩm <i>Characteristic of product</i> |
| 7.2. Hàm lượng mononatri glutamate monohydrate tính theo khối lượng, <i>Monosodium glutamate monohydrate content (m/m)</i> % | QTTN/KT3 260:2020 | - | - | 13,0 |
| 7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, <i>Moisture content (m/m)</i> % | QTTN/KT3 136 : 2016 | - | - | 0,99 |
| 7.4. Hàm lượng muối ăn (NaCl) tính theo khối lượng, <i>Sodium chloride content (m/m)</i> % | QTTN/KT3 190:2018 | - | - | 48,8 |
| 7.5. pH dung dịch 10 % <i>pH of 10 % solution</i> | TCVN 12348:2018 | - | - | 5,98 |
| 7.6. Vật lạ / <i>Foreign matters</i> ^(*) | QTTN/KT3 234 : 2019 (Quan sát bằng mắt / <i>Visual method</i>) | - | - | Không phát hiện <i>Not detected</i> |
| 7.7. Hàm lượng béo tính theo khối lượng, <i>Fat content (m/m)</i> % | QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân) | - | - | 0,16 |
| 7.8. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ tính theo khối lượng, <i>Carbohydrate excluding fibre content (m/m)</i> % | AOAC 2020.07 | - | - | 36,9 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

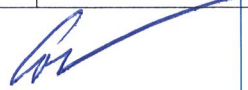
KT3-04947BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/08/2025
 Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

| Tên chỉ tiêu Characteristic | Phương pháp thử Test method | Giới hạn phát hiện Limit of Detection | Phạm vi đo Range of measurement (≥) | Kết quả thử nghiệm Test result |
|---|--|--|---|--|
| 7.9. Năng lượng / Calories(*) • kcal/100 g | QTTN/KT3 024:2018 | | - | 183 |
| 7.10. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, % Protein content (m/m) | TCVN 8133 – 2 : 2011 Dumas method | | - | 8,46 |
| 7.11. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ tính theo khối lượng, % Total sugar content (m/m) | QUATEST3 1222:2024 | | - | 28,4 |
| 7.12. Hàm lượng tro không tan trong HCl 10% tính theo khối lượng, % Insoluble ash content in 10% HCl (m/m) | QTTN/KT3 138 : 2016 | | 0,1 | Không phát hiện Not detected |
| 7.13. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content | TCVN 8427 : 2010 | 1,00 x 10 ⁻² | | Nhỏ hơn 3,00 x 10 ⁻² (**) Less than |
| 7.14. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content | QTTN/KT3 083:2012 | 3,00 x 10 ⁻² | | Không phát hiện Not detected |
| 7.15. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content | QTTN/KT3 083:2012 | 3,00 x 10 ⁻² | | Không phát hiện Not detected |
| 7.16. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content | QTTN/KT3 064:2016 | 1,50 x 10 ⁻² | | Không phát hiện Not detected |
| 7.17. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 +G1 + G2), µg/kg Total aflatoxin content | TCVN 7596 : 2007 | 0,25 | | Không phát hiện Not detected |
| 7.18. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content | TCVN 7596 : 2007 | 0,25 | | Không phát hiện Not detected |
| 7.19. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content | QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2000.03) | 0,3 | | Không phát hiện Not detected |



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-04947BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/08/2025
 Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

| Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i> | Phương pháp thử <i>Test method</i> | Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i> | Phạm vi đo <i>Range of measurement</i> (≥) | Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i> |
|--|--|---|--|---|
| 7.20. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i> | CFU/g ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022 | - | | 1,1 x 10 ² |
| 7.21. <i>Escherichia coli</i> , | MPN/g ISO 16649-3:2015 | - | | 0 |
| 7.22. <i>Staphylococcus aureus</i> , | CFU/g AOAC 2023 (975.55) | - | | Nhỏ hơn 10 ⁽²⁾ <i>Less than</i> |
| 7.23. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts & moulds</i> | CFU/g ISO 21527-2:2008 | - | | Nhỏ hơn 10 ⁽²⁾ <i>Less than</i> |
| 7.24. <i>Salmonella</i> spp /25 g | ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020 | - | | Không phát hiện <i>Not detected</i> |
| 7.25. Hàm lượng natri tính theo khối lượng, <i>Sodium content (m/m)</i> | % QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23)) | - | | 20,8 |

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

- (1): Hàm lượng đường tổng số / *Total sugar content* (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose + galactose).
 - (2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*
- (**): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*